



Solid partners. flexible solutions.

NGÂN HÀNG TMCP

SÀI GÒN – HÀ NỘI

Số: 5780 /2025/TB-SHB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

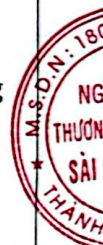
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2025

### THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội thông báo kết quả lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản (chi tiết theo thông báo số 5401/2025/TB-SHB ngày 12/09/2025 V/v lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản) đối với tài sản là:

| STT | Mô tả tài sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Giá khởi điểm        |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1   | <p>BDS tại thửa đất số: 510, tờ bản đồ số: 92, địa chỉ: 4 đường số 3, KP8, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh; diện tích: 939m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: được tặng cho đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất;</p> <p>+ Nhà ở: Loại nhà ở: nhà ở riêng lẻ; Diện tích xây dựng: 129,4m<sup>2</sup>; Diện tích sàn 258,8m<sup>2</sup>; Hình thức sở hữu: sở hữu riêng; Cấp (hạng): cấp 3;</p> <p>theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSH nhà ở và TS khác gắn liền với đất số CC 882915, số vào sổ cấp GCN: CS 03553 do Sở TN&amp;MT Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 01/03/2016, cập nhật chuyển nhượng cho bà Cao Thùy Trang ngày 09/07/2019.</p>                                | 132.669.170.322 đồng |
| 2   | <p>BDS tại thửa đất số: 38, tờ bản đồ số: 69, Bộ địa chính, phường Phước Long B, quận 9, Tp Hồ Chí Minh (theo tài liệu 2004), địa chỉ: phường Phước Long B, quận 9, Tp Hồ Chí Minh; diện tích: 354,6m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: sử dụng riêng; Mục đích sử dụng: đất ở đô thị (xây dựng nhà ở); Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quyết định số 3189/QĐ-UB ngày 30/06/2004 của Ủy ban nhân dân thành phố;</p> <p>Nhà ở: địa chỉ: phường Phước Long B, quận 9, Tp Hồ Chí Minh; Tổng diện tích sử dụng 183,22m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng 134,52m<sup>2</sup>; Kết cấu nhà: tường gạch, sàn gỗ, mái tôn; Số tầng: 01 + lửng</p> <p>Theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AĐ 793803, số vào sổ cấp GCN QSDĐ số T01442/8a do UBND Tp Hồ Chí</p> | 62.222.976.147 đồng  |



|   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                      |
|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
|   | Mình cấp ngày 16/11/2016, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường Sơn ngày 14/08/2020.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                      |
| 3 | <p>BDS tại thửa đất số: 74, tờ bản đồ số: 17 (BĐDC-năm 2002), địa chỉ: số 9/3 đường 9, khu phố 4, phường An Khánh, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh; diện tích: 363,8m<sup>2</sup>; Hình thức sử dụng: Riêng 363,8m<sup>2</sup>; Mục đích sử dụng: đất ở đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài;</p> <p>Nhà ở: địa chỉ: số 9/3 đường 9, khu phố 4, phường An Khánh, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh; Diện tích sàn xây dựng 498,7m<sup>2</sup>; Diện tích xây dựng: 223,7m<sup>2</sup>; Kết cấu: tường gạch, cột BTCT, sàn BTCT, mái ngói; Số tầng: 02+sân thượng; Cấp (hạng): cấp 3;</p> <p>theo Giấy chứng nhận QSH nhà ở và QSDĐ ở số 70103091176, hồ sơ gốc số 1437/2004 do UBND Quận 2 Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 22/06/2004, cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trường Sơn ngày 25/10/2021.</p> | 104.778.322.889 đồng |

Trong đó: Giá khởi điểm đã bao gồm thuế GTGT, chưa bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản.

## I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN

- Tên, địa chỉ tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Vạn Thành An
- Tổng số điểm của tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn: 96 điểm
- Tổ chức đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không

## II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn)

| DANH SÁCH CHẤM ĐIỂM CÔNG TY ĐẤU GIÁ 2025 |                                                                                                             |               | Công ty<br>đấu giá HD<br>Vạn Thành<br>An | Công ty<br>đấu giá<br>HD Đông<br>Nam | Công ty<br>đấu giá<br>HD Trực<br>tuyến Việt<br>Nam |
|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------------|
| TT                                       | NỘI DUNG                                                                                                    | MỨC<br>TỐI ĐA |                                          |                                      |                                                    |
| I                                        | Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                          | Đủ điều kiện  | Đủ điều kiện                             | Đủ điều kiện                         | Đủ điều kiện                                       |
| 1.                                       | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                              |               |                                          |                                      |                                                    |
| 2.                                       | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                        |               |                                          |                                      |                                                    |
| II                                       | Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá              | 19            | 19                                       | 19                                   | 19                                                 |
| 1.                                       | Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá                                                                     | 10            | 10                                       | 10                                   | 10                                                 |
| 1.1                                      | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc | 5             | 5                                        | 5                                    | 5                                                  |
| 1.2                                      | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                        | 5             | 5                                        | 5                                    | 5                                                  |
| 2.                                       | Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá                                                           | 5             | 5                                        | 5                                    | 5                                                  |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                            |    |    |    |    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|----|
| 2.1 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                 | 2  | 2  | 2  | 2  |
| 2.2 | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                                                                                                 | 3  | 3  | 3  | 3  |
| 3.  | Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên<br>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp | 2  | 2  | 2  | 2  |
| 4.  | Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến                                                                                                                           | 1  | 1  | 1  | 1  |
| 5.  | Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá                                                                                                                                                                                                                                               | 1  | 1  | 1  | 1  |
| III | Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)                                                                                                                                                                                      | 16 | 16 | 16 | 16 |
| 1.  | Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao                                                                                                                                                                | 4  | 4  | 4  | 4  |
| 1.1 | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                        | 2  | 2  | 2  | 2  |
| 1.2 | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                                                                                                | 2  | 2  | 2  | 2  |
| 2.  | Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)                                                                                                                           | 4  | 4  | 4  | 4  |
| 3.  | Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                         | 4  | 4  | 4  | 4  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                 | 2  | 2  | 2  | 2  |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                  | 2  | 2  | 2  | 2  |
| 4.  | Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá                                                                                                                  | 4  | 4  | 4  | 4  |
| IV  | Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản                                                                                                                                                                                                      | 57 | 53 | 54 | 44 |
| 1.  | Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí                                                                                                           | 15 | 15 | 15 | 15 |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                       | 12 |    |    |    |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                | 13 |    |    |    |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                | 14 |    |    |    |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                 | 15 |    |    |    |
| 2.  | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                           | 7  | 7  | 7  | 7  |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                         | 4  |    |    |    |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                    | 5  |    |    |    |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                    | 6  |    |    |    |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                           | 7  |    |    |    |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |   |   |   |   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|
| 3.  | Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                              | 7 | 7 | 7 | 5 |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4 |   |   |   |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5 |   |   |   |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6 |   |   |   |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7 |   |   |   |
| 4.  | Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây.<br>Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm. | 3 | 2 | 3 | 1 |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm                                                                                                                                                                                                                                                               |   |   |   |   |
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$                                                                                                                                                                                                         |   |   |   |   |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$                                                                                                                                                                             |   |   |   |   |
| 5.  | Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                  | 7 | 6 | 5 | 5 |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4 |   |   |   |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5 |   |   |   |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6 |   |   |   |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7 |   |   |   |
| 6.  | Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4 | 4 | 4 | 3 |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2 |   |   |   |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên (theo website của bộ tư pháp <a href="https://dgti.moj.gov.vn/">https://dgti.moj.gov.vn/</a> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3 |   |   |   |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4 |   |   |   |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |   |   |   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---|---|---|
| 7.  | Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4 | 3 | 3 | 2 |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2 |   |   |   |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3 |   |   |   |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4 |   |   |   |
| 8.  | Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5 | 4 | 5 | 3 |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3 |   |   |   |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4 |   |   |   |
| 8.3 | Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5 |   |   |   |
| 9.  | Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                | 5 | 5 | 5 | 3 |
| 9.1 | Dưới 50 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3 |   |   |   |
| 9.2 | Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4 |   |   |   |
| 9.3 | Từ 100 triệu đồng trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5 |   |   |   |
| V   | Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8 | 8 | 6 | 6 |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |            |              |              |              |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------|--------------|--------------|
| 1.                  | Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá<br>- Tài sản cùng loại được phân theo cùng một điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản<br>- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có) | 3          | 2            | 2            | 2            |
| 2.                  | Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3          | 2            | 2            | 2            |
| 3.                  | Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.                                                                                              | 4          | 2            | 2            | 2            |
| 4.                  | Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá tài sản, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại Phụ lục này)                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3          | 2            | 0            | 0            |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>100</b> | <b>96,00</b> | <b>95,00</b> | <b>85,00</b> |

Trân trọng thông báo.

**Nơi nhận:**

- Trang thông tin điện tử SHB;
- Chủ tịch HĐQT, TGD (để báo cáo);
- VP HĐQT (để theo dõi);
- Lưu: VT, XLN.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC SHB**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN HUY TÀI**